TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CP** **TỈNH AG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2023/HNGĐ-ST
Ngày : 30 – 3– 2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng V

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Phượng.

2. Ông Lê Cao Trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Huân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thị D – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 612/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Xuân H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ 11, ấp Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh AG (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Quang T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số nhà 34, tổ 02, ấp Bình Lợi, xã Bình Chánh, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 11 năm 2022, nguyên đơn bà H trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông T do mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh AG vào năm 2022. Thời gian ban đầu chung sống hạnh phúc, về sau mâu thuẫn do ông T thường xuyên

chửi bà, nhiều lần khuyên can mà ông T không thay đổi. Do cuộc sống không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà và ông T không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông T trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông T không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ.

- Về con chung: Ông và bà H không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà H trình bày: Vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, về con chung bà H và ông T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về mâu thuẫn vợ cH trước đây bà có gia đình nhưng năm 2014 cH bà chết đến đầu năm 2022 bà được mai mối và gặp ông T nên cả hai kết hôn. Ông T cũng có vợ và con riêng (vợ ông T chết). Quá trình chung sống đến nay mặc dù bà vẫn còn tình cảm với ông T nhưng bà không chịu nổi được việc người thân của ông T không thích bà và mâu thuẫn khác. Ông T thì không hòa giải được mâu thuẫn giữa bà người thân của ông dẫn đến việc vợ cH thường xuyên gây gỗ nhau làm cho cuộc sống luôn nặng nề, bà không còn sự sống lo nghĩ như trước đây. Mặc khác ông T và chị ruột cảu bà cũng mâu thuẫn với nhau nên bà không muốn vì tờ giấy kết hôn mà làm cho nhiều người không vui nên bà yêu cầu ly hôn, bà không còn ràng buộc pháp lý nhưng bà vẫn chăm sóc ông T thì tốt hơn.

- Bị đơn ông T trình bày: Không đồng ý ly hôn với bà H, vì ông còn thương vợ, ông và bà H không có con chung, về tài sản chung nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được được công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Bà H và ông T có đăng ký kết hôn, hôn nhân hợp pháp;

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông T còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn, tại các phiên hòa giải và tại phiên Tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, bà H đã cho ông T cơ hội nhưng ông T không sửa đổi, nhậu về tiếp tục chửi bà H và quậy phá nhà cửa. Qua đó cho thấy đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

+ Về con chung: Bà H và ông T trong thời gian chung sống không có con, nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông T cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CP theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H, thấy rằng:

Bà H và ông T có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ cH. Hội đồng xét xử nhận định, trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bà H và ông T đến Tòa án trình bày ý kiến về hôn nhân, ông T không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, trong thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ cH đoàn tụ, bà H cũng cho ông T cơ hội nhưng ông T không thay đổi đi nhậu về tiếp tục chửi bà H và quậy phá nhà cửa, bà H không chịu đựng được nên kiên quyết ly hôn. Tại phiên Tòa ông T cũng thừa nhận là có mâu thuẫn, có chửi bà H khi có rượu, giữa ông và bà H còn có mâu thuẫn hai bên gia đình, chị bà H và ông T có mâu thuẫn do không chấp nhận được việc ông đối xử không tốt với bà H từ đó xảy ra mâu thuẫn giữa hai bên, còn bà H thì mâu thuẫn với con riêng ông T và em ruột ông T dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tại địa phương cung cấp thông tin là giữa bà H và ông T có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ.

Xét thấy tình cảm vợ cH giữa bà H và ông T thực tế là có mâu thuẫn, các bên không có giải pháp vượt qua được mâu thuẫn để cùng nhau xây dựng được hạnh phúc mặc dù các bên còn tình cảm với nhau nhưng mục đích của hôn nhân là tạo ra được hạnh phúc cho cả hai phía, các người quan hệ xung quanh liên quan đến cả hai các bên không giải quyết được các mâu thuẫn làm cho cuộc sống của bà H ngột ngạt không thấy hạnh phúc do hôn nhân mang lại. Bà H kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa hai người đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

+ Về con chung: Bà H và ông T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm do bà là người yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lý Xuân H, bà Lý Xuân H được ly hôn với ông Trần Quang T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 115 cấp ngày 16 tháng 9 năm 2022 của UBND UBND xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh AG không còn giá trị pháp lý, khi bản án có hiệu luật pháp luật).

- Về con chung: Bà H và ông T không có con chung, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Lý Xuân H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0005119 ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP nên không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG; (1)
- VKSND huyện CP; (1)
- CCTHADS huyện CP; (1)
- Đương sự; (2)
- UBND xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành (1);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT. (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng V